

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST
Ngày: 10-3-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Trần Phúc

Bà Nguyễn Thị Kim Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Hải Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 278/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXX-ST ngày 28-01-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2021/QĐST-DS ngày 22-02-2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Văn M, sinh năm 1968, cư trú tại: Số 85, đường T, ấp K, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Cao Văn P, sinh năm 1970, cư trú tại: Số nhà 255, Đường 781, ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt không lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1971, cư trú tại: Số nhà 255, Đường 781, ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn – ông Hồ Văn M trình bày:

Ông và ông P có quan hệ vay mượn từ năm 2019, những lần ông P mượn tiền trong năm 2019 thì ông P đã trả đủ. Vào đầu năm 2020, ông cho ông P mượn tiền nhiều lần, tổng cộng là 100.000.000 đồng theo các Giấy mượn tiền ghi ngày 07-01-2020 AL là 30.000.000 đồng, 24-01-2020 AL là 30.000.000 đồng, 05-02-2020 AL là 10.000.000 đồng, 03-5-2020 AL là 30.000.000 đồng, lần mượn cuối cùng, ông P hẹn 20 ngày trả tiền. Các giấy mượn tiền này do chính ông P viết và

ký tên, bà T vợ ông P không có ký tên. Khi cho ông P vay, các bên thỏa thuận lãi suất 10%/tháng. Ông P trả tiền lãi của khoản tiền vay ngày 07-01-2020 là 04 tháng, ngày 24-01-2020 là 03 tháng, ngày 05-02-2020 là 03 tháng, ông P nộp tiền lãi cho ông tròn tháng, không tính ngày. Đối với khoản vay ngày 03-5-2020 thì ông P chưa đóng tiền lãi cho ông tháng nào. Từ ngày 03-5-2020, ông P ngưng không đóng lãi cho đến nay. Ông có đòi tiền nợ lãi, nợ gốc nhiều lần nhưng ông P không trả. Ông P mượn tiền để nuôi vịt, vì gia đình ông P làm nghề chăn nuôi vịt. Khi cho ông P mượn tiền, ông không có nhận thế chấp hoặc cầm cố tài sản, giấy tờ gì của ông P.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông P trả cho ông 100.000.000 đồng tiền nợ gốc, không yêu cầu tính tiền lãi. Ông chỉ yêu cầu ông P trả nợ, không yêu cầu vợ ông P là bà Lê Thị T cùng trả.

Bị đơn – ông Cao Văn P đã được Tòa án niêm yết văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bà Lê Thị T trình bày:

Bà là vợ của ông P. Ông P có mượn tiền ông M nhiều lần, những lần đầu mượn ít, hai ba chục triệu thì bà đã yêu cầu ông P trả. Việc vay mượn cụ thể giữa ông M và ông P thì bà không biết, chỉ khi vợ ông M đến nhà đòi tiền thì bà mới biết ông P mượn ông M 100.000.000 đồng. Có một lần ông P mượn tiền ông M nhưng kêu bà đi lấy, bà có qua nhà ông M lấy 10.000.000 đồng và ký giấy mượn tiền. Sau đó, bà đã đưa tiền cho ông P trả cho ông M và đề nghị xé giấy nợ này. Ngoài ra, bà không mượn ông M khoản tiền nào khác, không ký giấy mượn tiền nào của ông M.

Vợ chồng bà làm nghề chăn nuôi gà vịt, tiền mua con giống thì mẹ ruột của bà cho, tiền thức ăn thì bà mua thiếu của Cửa hàng thức ăn gia súc, gia cầm. Ông M cho rằng ông P mượn tiền để gia đình chăn nuôi gà vịt là không đúng, ông P không có đem tiền về cho gia đình, bà phải tự xoay sở tiền vốn chăn nuôi vịt. Cuối năm 2019 gà vịt bị chết, hao hụt vốn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên vợ chồng bà làm riêng ăn riêng.

Ông P đã bỏ nhà đi, bà không liên lạc được với ông P, ông P thỉnh thoảng mới về nhà.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn M, buộc ông Cao Văn P trả cho ông M số tiền nợ gốc sau khi đã khấu trừ tiền lãi đã đóng, ghi nhận ông M không yêu cầu tính tiền lãi, không yêu cầu bà Lê Thị T cùng ông P trả tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết

quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông M khởi kiện ông P yêu cầu trả 100.000.000 đồng nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

[1.2] Ông P thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không rõ đi đâu và không biết khi nào trở về nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho ông P theo đúng quy định của pháp luật, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông P vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và giải quyết vụ án dựa trên các tài liệu, chứng cứ thu thập được.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2] Ông M và bà T đều trình bày thống nhất ông M và ông P có quan hệ vay mượn tiền nhiều lần. Theo các Giấy mượn tiền khổ giấy tập học sinh, nội dung ghi bằng mực màu xanh thể hiện ông P có mượn tiền ông M vào các ngày 07-01-2020 là 30.000.000 đồng, 24-01-2020 là 30.000.000 đồng, 05-02-2020 là 10.000.000 đồng, 03-5-2020 là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng. Các giấy mượn tiền đều có chữ ký, chữ viết mang tên “Cao Văn P”. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về việc thu thập được các tài liệu chứng cứ là các Giấy mượn tiền nêu trên; Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông P không có văn bản trình bày ý kiến nên xem như là ông P đồng ý, không phản đối các chứng cứ ông M cung cấp. Do đó có căn cứ cho rằng các hợp đồng vay tài sản giữa ông M và ông P là có thật.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông M thừa nhận khi cho vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 10%/tháng và ông P đã đóng tiền lãi của khoản tiền vay ngày 07-01-2020 là 04 tháng được 12.000.000 đồng, ngày 24-01-2020 là 03 tháng được 9.000.000 đồng, ngày 05-02-2020 là 03 tháng được 3.000.000 đồng, tổng cộng là 24.000.000 đồng.

Xét thấy, lãi suất ông M thừa nhận vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 20%/năm. Ông P vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến nên không xác định được lãi suất các bên thỏa thuận chính xác là bao nhiêu. Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cần xác định lại lãi suất là 10%/năm, khấu trừ tiền lãi ông M đã nhận với tiền lãi ông P phải trả theo quy định của pháp luật để xác định lại nợ gốc là phù hợp.

Do ông M xác định ông P đóng tiền lãi cho ông tròn tháng, không tính ngày nên cần xác định thời gian ông P phải đóng tiền lãi của các khoản vay theo quy định pháp luật đến ngày 03-5-2020 là tròn tháng như ông M trình bày. Tiền lãi ông P phải trả cho ông M theo lãi suất quy định 10%/năm tương đương 0,83%/tháng đến ngày 03-5-2020 cụ thể là:

- Đối với khoản vay 30.000.000 đồng ngày 07-01-2020: 30.000.000 đồng x

$0,83\%/tháng \times 04 \text{ tháng} = 996.000 \text{ đồng.}$

- Đối với khoản vay 30.000.000 đồng ngày 24-01-2020: $30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 03 \text{ tháng} = 747.000 \text{ đồng.}$

- Đối với khoản vay 10.000.000 đồng ngày 05-02-2020: $10.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 03 \text{ tháng} = 249.000 \text{ đồng.}$

Tổng cộng tiền lãi ông P phải trả theo quy định của pháp luật là 1.992.000 đồng, số tiền lãi chênh lệch mà ông M đã nhận là 24.000.000 đồng – 1.992.000 đồng = 22.008.000 đồng. Số tiền chênh lệch này được xác định là tiền nợ gốc ông P đã trả cho ông M. Như vậy, ông P chỉ còn nợ ông M tiền gốc là 100.000.000 đồng - 22.008.000 đồng = 77.992.000 đồng.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông M, buộc ông P trả cho ông M tiền nợ gốc là 77.992.000 đồng, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông M đối với 22.008.000 đồng. Ghi nhận ông M không yêu cầu tính tiền lãi, không yêu cầu bà Lê Thị T cùng ông P trả tiền.

[6] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí được tính như sau:

- Ông M phải chịu tiền án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là: $22.008.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.100.400 \text{ đồng.}$

- Ông P phải chịu tiền án phí đối với phần yêu cầu của ông M được chấp nhận là: $77.992.000 \text{ đồng} \times 5\% = 3.899.600 \text{ đồng.}$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn M đối với ông Cao Văn P về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Cao Văn P trả cho ông Hồ Văn M 77.992.000 (Bảy mươi bảy triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn) đồng. Ghi nhận ông M không yêu cầu tính tiền lãi, không yêu cầu bà Lê Thị T cùng ông P trả tiền.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn M đối với ông Cao Văn P yêu cầu trả 22.008.000 (Hai mươi hai triệu, không trăm lẻ tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương

ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông M phải chịu tiền án phí là 1.100.400 (Một triệu, một trăm nghìn, bốn trăm) đồng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo Biên lai thu số: 0007528 ngày 02-10-2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho ông M tiền tạm ứng án phí còn lại là 1.399.600 (Một triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm) đồng.

Ông P phải chịu tiền án phí là 3.899.600 (Ba triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn, sáu trăm) đồng.

3. Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.C;
- CCTHADS H.C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hồ Thị Bảo Ngọc